



Lễ hội Phủ Giầy - ảnh: PL

Việt Nam là một đất nước có nhiều nghề thủ công truyền thống, đặc biệt là vùng châu thổ sông Hồng. Với đặc trưng của nền sản xuất nông nghiệp mùa vụ và chế độ làng xã, nghề thủ công xuất hiện khá sớm và gắn liền với

lịch sử thăng trầm của dân tộc. Các làng nghề đã hình thành, tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội, của đời sống cộng đồng và dần dần được qui về các khái niệm như nghề truyền thống, nghề cổ truyền, nghề gia truyền, nghề phụ, nghề thủ

công... Những khái niệm này tuy có khác nhau ở khía cạnh này, góc độ khác song vẫn có những đặc điểm giống nhau về cơ bản, đặc biệt là xét từ góc độ văn hoá, chúng ta có thể sử dụng chung khái niệm

* Phó Cục trưởng Cục Di sản văn hóa

"làng nghề". Làng nghề là một thực thể vật chất và tinh thần được tồn tại cố định về mặt địa lý, ổn định về nghề nghiệp hay một nhóm các nghề có mối liên hệ mật thiết với nhau để làm ra một loại sản phẩm, có bề dày lịch sử và được tồn tại lưu truyền trong dân gian. Khái niệm về làng nghề theo cách nhìn văn hoá bao gồm các nội dung cụ thể, như:

- Là một địa danh gắn với một cộng đồng dân cư có một nghề truyền thống lâu đời được lưu truyền và có sức lan toả mạnh mẽ.

- Ổn định về một nghề hay một số nghề có quan hệ mật thiết với nhau trong quá trình sản xuất ra một loại sản phẩm.

- Có một đội ngũ nghề nhân và thợ có tay nghề cao, có bí quyết nghề nghiệp được lưu truyền lại cho con cháu hoặc các thế hệ sau.

- Sản phẩm vừa có ý nghĩa kinh tế để nuôi sống một bộ phận dân cư và quan trọng hơn là nó mang những giá trị vật thể và phi vật thể phản ánh được lịch sử, văn hoá và xã hội liên quan tới chính họ.

Với cách đặt vấn đề trên, tiếp cận từ góc độ văn hoá, chúng tôi muốn bàn đến một số đặc điểm của làng nghề Việt Nam như sau:

Một là, làng nghề nước ta phản ánh cuộc sống của cư dân nông nghiệp gắn liền với cơ chế sản xuất mùa vụ, mang đặc trưng của chế độ làng xã, trong đó bao gồm cả yếu tố dòng họ. Theo Courier du Vietnam (17/3/2003) ở nước ta có hơn 2000 làng nghề, miền Bắc có 1594 làng nghề (79%), miền Trung có 312 làng nghề

(15,5%) và miền Nam có 111 làng nghề (5,5%). Ở miền Bắc các làng nghề lại tập trung hơn ở một số địa phương thuộc đồng bằng Bắc bộ như Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Nam Định, Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Hà Nam ... Thực tế này cho thấy, làng nghề ở nước ta gắn liền với các vùng nông nghiệp và người nông dân làm nghề thủ công để giải quyết hợp lý sức lao động dư thừa được cơ cấu theo đặc trưng nông nghiệp là mùa vụ. Mặt khác, từ sản phẩm, chúng ta cũng nhận thấy gốc tích nông nghiệp như nguyên vật liệu, công cụ chế tác, giá trị sử dụng và đặc biệt là nó phản ánh được tính chuyên dụng và sinh hoạt cộng đồng của cư dân nông nghiệp trên các sản phẩm đó. Nhìn vào những nghề thủ công nổi tiếng của nước ta như nghề gốm, nghề đan lát, nghề chạm khắc gỗ, nghề gò đúc đồng, nghề làm giấy, nghề làm tranh, nghề kim hoàn hay làm nón, dệt vải... chúng ta thấy mỗi nghề gắn liền với một cộng đồng cư dân được cư trú ổn định trong quy mô làng xã. Nét đặc trưng này không chỉ phản ánh sự phong phú đa dạng của làng nghề trong hệ thống cấu trúc làng xã Việt Nam. Ví dụ, khi nói đến làng gốm Bát Tràng người ta không chỉ biết đến sản phẩm gốm mà còn nhận biết các thông tin về địa lý, nhân văn, lễ hội truyền thống, lịch sử một làng nghề bên sông Hồng đầy ấn tượng và cả một chút "huyền bí". Hoặc khi nói đến làng dệt lụa Vạn Phúc - Hà Đông, người ta không chỉ biết về "lụa là Hà

Đông" mà còn biết đến những ruộng dâu hai bờ sông Đáy, biết đến kỹ thuật nuôi tằm ương tơ và những bí quyết về kỹ thuật dệt lụa của cư dân làng Vạn Phúc. Tóm lại, đặc điểm này cho chúng ta nhận dạng các giá trị văn hoá đặc biệt là văn hoá phi vật thể từ nguồn gốc và đặc trưng xã hội nông nghiệp sản xuất mùa vụ, cơ cấu qui mô thông qua chế độ làng xã Việt Nam.

Hai là, làng nghề truyền thống Việt Nam còn tồn tại đến ngày nay hầu hết là những nghề lâu đời ở những làng cổ dựa trên hai yếu tố rất cơ bản là vùng nguyên liệu và điều kiện giao thông, mà đường thuỷ là chính. Làng gốm Bát Tràng có lịch sử hình thành đã hơn 6 thế kỷ, Làng giấy Yên Thái (Bưởi) đã có cách đây 800 năm, Làng kim hoàn Định Công có cách đây 1400 năm và Làng dệt lụa Vạn Phúc thì đã có hơn 1700 năm có lẽ... Theo chúng tôi, điều này phản ánh đúng logic lịch sử, vì nó đáp ứng yêu cầu của sản xuất và nhu cầu của con người, do ở thời nào con người cũng cần công cụ lao động, cần ăn, ở, mặc, đi lại và các hoạt động văn hoá khác. Khẳng định tính truyền thống của nghề thủ công Việt Nam và làng nghề để khẳng định sự tồn tại của nó qua các hình thái kinh tế xã hội hay các phương thức sản xuất khác nhau, là rất cần thiết, để góp phần khẳng định được các giá trị văn hoá đích thực và ngôi vị lịch sử của nó trong quá trình tồn tại và phát triển của lịch sử dân tộc. Một khía cạnh khác của đặc điểm này là làng nghề

hoặc các cụm làng nghề ở nước ta được hình thành hầu hết đều gắn liền với vùng nguyên liệu tại chỗ và thuận lợi với giao thông đường thủy. Ví dụ như gốm Bát Tràng, Hải Dương, Quảng Ninh... nguyên liệu đất sét trắng ở vùng đó quyết định đặc trưng sản phẩm, tính ổn định và phát triển của làng nghề truyền thống đó. Nguồn nguyên liệu của làng giấy Yên Thái là giấy "dó" được lấy từ vùng núi và trung du phía Bắc theo sông Hồng về đến Bưởi. Làng nghề chạm khắc gỗ ở Bắc Ninh, Nam Định cũng ở cận kề bên sông thuận lợi cho việc khai thác chuyên chở vật liệu và sản phẩm nặng. Thiếu hai yếu tố nguyên liệu và bên sông có thể một số nghề thủ công khó tồn tại và làng đó khó có thể trở thành làng truyền thống. Và, như vậy những dòng sông như sông Hồng, sông Lô, sông Cầu, sông Thương, sông Chu, sông Đuống, sông Đáy, sông Thái Bình,... đã tạo ra sự kết nối giữa các làng nghề ở hai chiều tồn tại là cung cấp nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường cả nước.

Ba là, làng nghề Việt Nam không chỉ phản ánh mối quan hệ giữa "nghề" với "nghiệp" mà còn chứa đựng những giá trị tinh thần đậm nét, được phản ánh qua các tập tục, tín ngưỡng, lễ hội và nhiều quy định khác. Điều đầu tiên phải nói đến đó là các "qui lệ" của các làng nghề. Qui lệ là các qui ước, luật lệ để gìn giữ bí quyết nghề, để bảo tồn nghề của dòng họ hay của cộng đồng làng xã. Có thể nói tất cả

các nghề thủ công đều có bí quyết. Việc giữ "bí quyết nghề" không chỉ đơn thuần là giữ nghề mà nó còn chi phối cả các quan hệ xã hội khác như quan hệ hôn nhân, không lấy người địa phương khác, hoặc việc truyền nghề chỉ đóng khung trong một số đối tượng cụ thể, như chỉ truyền cho con trai, hoặc chỉ truyền cho con trưởng hoặc cháu đích tôn. Ví dụ như làng chạm bạc Đồng Xâm coi qui chế "hôn nhân nội hạt" là bất biến. Hay việc phân chia thứ bậc cho nhiệm vụ truyền nghề với hậu thế - chỉ có ông Trùm (trưởng phường nghề) mới có quyền quyết định việc truyền nghề - và chỉ những nghệ nhân (thợ cả) mới có đủ tư cách để truyền nghề (dưới thợ cả còn 6 bậc thợ nữa). Người học nghề được gọi là thợ con và phải ứng xử theo đạo "thầy trò", rất khuôn phép... Những qui lệ này được hình thành từ những ước lệ đến qui ước miệng rồi thành văn như hương ước và lệ làng. Điều này đã tạo ra một trật tự trong làng nghề và những nét văn hoá đặc thù trong các làng nghề Việt Nam. Điều thứ hai cần đề cập đến trong đặc điểm sinh hoạt văn hoá tinh thần của làng nghề là: hầu như làng nghề nào cũng có tục thờ cúng tổ nghề và gắn liền với lễ hội cùng với các hoạt động văn hoá dân gian khác. Ví dụ: thợ kim hoàn ở làng chạm bạc Đồng Xâm (Thái Bình) thờ tổ nghề Nguyễn Kim Lâu, hàng năm vào ngày 5/1 âm lịch là ngày giỗ tổ nghề - đúng ngày đó thợ Đồng Xâm dù làm ăn sinh sống ở đâu cũng phải về quê làm lễ tổ bằng chính sản phẩm độc đáo

nhất mà mình làm ra. Tại lễ tổ này có trao đổi kinh nghiệm, có đánh giá kết quả và đặc biệt là có xem xét việc giữ gìn những "qui lệ" của làng nghề, hội nghề. Thưởng cho những ai có công và phạt những người vi phạm với các hình thức từ khiển trách trước phường hội đến đánh 30 roi trước sân đình. Những người bỏ bê giỗ tổ nghề thì bị coi là kẻ "phản tổ"... ở làng Châu Khê (Hải Dương) một làng kim hoàn nổi tiếng cũng có lệ đối với việc cúng tế tổ nghề Lưu Xuân Tiến, với một năm có hai dịp tế lễ là Xuân tế từ 1 đến 12 tháng hai (âm lịch) và Thu tế từ 1-12 tháng tám 8 (âm lịch). Việc giỗ tổ được tổ chức đồng thời với lễ Thành hoàng làng Châu Khê tại đình làng và đền thờ tổ nghề ở phố Hàng Bạc (Hà Nội). Đối với giỗ tổ nghề của làng nghề Châu Khê thì yếu tố trung thực rất được đề cao. Những người làm đồ giả, làm ăn gian dối, bị trừng trị từ phạt đến khai trừ khỏi phường nghề hoặc đuổi ra khỏi làng. Gắn với nghi thức thờ tổ nghề là phần hội mang màu sắc văn hóa dân gian. Như vậy, ở làng nghề ngoài yếu tố sản xuất còn mang rất đậm yếu tố văn hoá và phần nào còn có những yếu tố tâm linh phù hợp. Bởi làng nghề ngoài phạm vi đơn vị sản xuất và khái niệm đơn vị hành chính còn có đặc trưng riêng biệt là tính cộng đồng cư trú, cộng đồng lợi ích và cộng cảm rất cao.

Với cách tiếp cận từ góc độ văn hóa để tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của làng nghề Việt Nam, dễ dàng nhận thấy rằng làng nghề chứa

đựng trong nó những yếu tố nhân văn và những giá trị văn hóa truyền thống quý giá. Ngoài những yếu tố kinh tế cần được nghiên cứu phát triển thì làng nghề còn là một đối tượng quan trọng để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phục vụ cho sự nghiệp phát triển văn hóa dân tộc và xây dựng đất nước. Từ góc độ bảo tồn di sản văn hóa chúng tôi có một số suy nghĩ và đề xuất như sau:

Một là, cùng với việc thống kê, nghiên cứu, quy hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam cần thiết bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể của làng nghề. Đó là kho tàng các kinh nghiệm, kỹ thuật, bí quyết nghề nghiệp từ việc sử dụng nguyên vật liệu, kỹ thuật chế tác đến chủ đề sáng tạo cho từng sản phẩm của mỗi làng nghề. Bởi vì quá trình lao động là quá trình sáng tạo, bởi vì trong mỗi sản phẩm đơn chiếc ấy là kinh nghiệm, là kỹ thuật, là bí quyết của người thợ thủ công, và họ còn thổi vào sản phẩm ấy cả tâm hồn và ý niệm. Ví dụ, từ những tảng đất vô tri vô giác, bằng lao động sáng tạo những người thợ thủ công đã tạo ra hàng vạn sản phẩm tuyệt vời, mà ở đó, là tư duy là kinh nghiệm được đúc rút qua bao thế hệ, mỗi sản phẩm còn là khúc tùy hứng, khát vọng của con người và của cả cộng đồng người. Đó chính là phần tồn tại vô hình cần được bảo tồn của làng nghề và sản phẩm của làng nghề.

Hai là, việc tôn vinh các nghệ nhân của các làng nghề cũng là một yêu cầu đặt ra đối với việc bảo tồn di sản văn

hoá dân tộc. Có thể thẳng thắn thừa nhận rằng trước đây việc này còn thiếu sót. Nguyên nhân ban đầu có thể do nhận thức chưa đúng rằng làng nghề chỉ đơn thuần là hoạt động kinh tế phụ. Do đó, các giá trị vô hình và đặc biệt là bàn tay khối óc và tâm hồn của những người thợ tài ba làm ra sản phẩm - những nghệ nhân lại dễ bị lãng quên. Nghề nhân không phải là người lao động bình thường, ở họ ngoài tài ba khéo léo của đôi bàn tay, họ còn giữ trong mình cả những bí quyết, những kỹ thuật cha truyền con nối và cả những tài hoa, có khi xuất thần, khó giải thích bằng lời. Phương Tây gọi những nghệ nhân này là "Báu vật nhân văn sống", bởi bản thân họ đã là một tài sản văn hoá sống, nắm giữ những giá trị văn hoá của cộng đồng, của dân tộc và có thể là của cả nhân loại. Ngoài sự sáng tạo, nghệ nhân còn có sứ mệnh truyền nghề cho các thế hệ sau. Vì vậy, việc tôn vinh nghệ nhân không đơn thuần chỉ là đánh giá công lao và tỏ lòng kính trọng, mà hơn thế, đây là một hoạt động, một phương pháp, một nội dung để bảo tồn được các giá trị văn hoá phi vật thể của nghề truyền thống và làng nghề Việt Nam.

Ba là, cần tiến hành nghiên cứu để bảo tồn tục thờ tổ nghề và các lễ hội gắn liền với các sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt tinh thần của các nghề và lễ hội làng nghề được cư dân làng nghề và xã hội coi trọng. Thờ tổ nghề là một nét văn hoá truyền thống chứa đựng ý nghĩa lịch sử xã hội, đời sống và con người. Từ đặc

trung văn hóa này cho phép chúng ta mở rộng sự nghiên cứu về "nghề", về "nghiệp", về yếu tố "bản địa", "sự thiên di" hay khả năng lan toả của mỗi nghề hay mỗi làng nghề. Cùng với tục thờ tổ nghề là các lễ hội dân gian đa dạng và phong phú. Lễ hội dân gian chính là những sinh hoạt cộng đồng. Lễ hội đó phản ánh đặc trưng của nghề, của cơ cấu làng nghề và những quy lệ. Ở đây ngoài yếu tố tâm linh còn chứa đựng sự ghi nhận những kinh nghiệm, quá trình phát triển, sự biến động và quá trình giao thoa của "nghề" và làng nghề đó. Như vậy, việc thờ tổ nghề và lễ hội làng nghề là một hoạt động, một bộ phận văn hoá tạo nên bức tranh đầy đủ về làng nghề, do đó việc bảo tồn nó cũng như các giá trị khác là hết sức cần thiết.

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá, vấn đề bảo tồn các giá trị văn hoá bản sắc của mỗi quốc gia dân tộc đang là một vấn đề thời sự, trong đó vấn đề làng nghề và nghề thủ công truyền thống đang trở thành điểm quan tâm không chỉ của ngành bảo tồn bảo tàng mà còn là của nhiều lĩnh vực văn hoá khác. Vì vậy, việc bảo tồn những giá trị văn hoá phi vật thể của làng nghề là mục tiêu không thể thiếu và đang trở thành cấp bách.

Hà Nội tháng 10/2003

L.T.M.L

